

Số: 53/BC-SYT

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 28 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO
Công tác Y tế tháng 4 năm 2023
Phương hướng nhiệm vụ tháng 5/2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Y tế báo cáo công tác Y tế tháng 4/2023, phương hướng nhiệm vụ tháng 5/2023, nội dung cụ thể như sau:

A. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC Y TẾ THÁNG 4 NĂM 2023

I. CÔNG TÁC Y TẾ DỰ PHÒNG

1. Tình hình dịch bệnh trong tháng:

a) Trong tháng 4/2023, tình hình dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh như sau¹:

Trong tháng ghi nhận 5/22 bệnh có ca mắc, không gây dịch. Trong đó:

- Bệnh Quai bị: Số ca mắc: 2, tích lũy mắc: 13; số ca tử vong: 0, tích lũy tử vong: 0²

- Bệnh Thủy đậu: Số ca mắc: 64, tích lũy: 191; số ca tử vong: 0, tích lũy: 0³

- Tay chân miệng: số ca mắc: 20, tích lũy: 92; số ca tử vong: 0, tích lũy: 0⁴

- Viêm gan virus B: Số ca mắc: 02, tích lũy: 04; tử vong: 0, tích lũy: 0⁵

- Sốt xuất huyết (A90): Số ca mắc: 83, tích lũy mắc: 549; tử vong: 0, tích lũy: 01⁶

b) Nhận xét, đánh giá tình hình dịch bệnh truyền nhiễm:

¹Các bệnh có số mắc 0, tử vong 0: Tả (A00): số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Viêm não Nhật Bản: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Viêm màng não do não mô cầu (A39): số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Cúm A/H5N1: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Cúm A/H7N9: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Cúm A/H1N1: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Bệnh Ho gà: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Bệnh Bạch hầu: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Sốt phát ban nghi sởi: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Sởi dương tính: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Bệnh do virus Zika: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Bệnh Dại: số ca mắc: 0, tích lũy: 0

² Bệnh Quai bị: Số ca mắc: 4, giảm 4 ca so với tháng trước; tích lũy mắc: 13, giảm 2 ca so với cùng kỳ năm trước. Số ca tử vong: 0, bằng với tháng trước; tích lũy tử vong: 0, bằng với cùng kỳ năm trước.

³ Bệnh Thủy đậu: Số ca mắc: 64, tăng 3 ca so với tháng trước; tích lũy mắc: 191, tăng 176 ca giảm so với cùng kỳ năm trước. Số ca tử vong: 0, bằng với tháng trước; tích lũy tử vong: 0, bằng với cùng kỳ năm trước.

⁴ Tay chân miệng: Số ca mắc 20, giảm 5 ca so với tháng trước; tích lũy mắc: 92, tăng 77 ca so với cùng kỳ năm trước. Số ca tử vong: 0, bằng với tháng trước; tích lũy tử vong: 0, bằng với cùng kỳ năm trước.

⁵ Bệnh Viêm gan virus B: Số ca mắc 2, tăng 2 ca so với tháng trước; tích lũy mắc: 4, bằng so với cùng kỳ năm trước. Số ca tử vong: 0, bằng với tháng trước; tích lũy tử vong: 0, bằng với cùng kỳ năm trước.

⁶ Bệnh sốt xuất huyết: 83, giảm 27 ca so với tháng trước; ; tích lũy mắc: 549, giảm 20 ca so với cùng kỳ năm trước. Số ca tử vong: 0, bằng với tháng trước; tích lũy tử vong: 1, tăng 1 ca so với cùng kỳ năm trước.

- Trong tháng 4 ghi nhận 5 bệnh truyền nhiễm có số ca mắc. Trong đó có 4 bệnh có số ca mắc rải rác, không gây dịch và 1 bệnh có số ca mắc cao.

2. Tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh cập nhật ngày 23/4/2023: *Đính kèm báo cáo của Trung tâm Chỉ huy.*

- Từ 16g00 ngày 22/04/2023 đến 16g00 ngày 23/04/2023 toàn tỉnh ghi nhận 08 ca mắc mới COVID-19. Trong đó: (Giảm 19 ca so với ngày hôm trước)

- Tính từ ngày 13/04/2023 đến ngày 23/04/2023, chùm ca bệnh tại TTBTXH đã có đến 64 F0 (59 người già và 05 nhân viên). Hiện tại, TTBTXH còn 21 F0 và 25 F1 tại Trung tâm. Tình hình sức khỏe của 21 F0 và 25 F1 tại Cơ sở 2 của TTBTXH đều ổn định.

- Lũy tích từ khi dịch khởi phát đến nay (tính từ ngày 28/06/2021), toàn tỉnh ghi nhận 136.449 ca mắc, có 135.817 người khỏi bệnh (chiếm 99,65%), 483 ca tử vong (chiếm 0,35%).

Để tăng cường công tác phòng chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh truyền nhiễm khác Bộ Y tế đã có Công văn số 2116/BYT-DP ngày 12/4/2023 chỉ đạo Sở Y tế các tỉnh chủ động các biện pháp phòng, chống dịch, kiểm soát tình hình dịch, không để dịch bùng phát trở lại, góp phần tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế xã hội. Sở Y tế đã có Công văn số 1092/SYT-NV ngày 14/4/2023 chỉ đạo các đơn vị khám, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế; Các cơ sở điều trị COVID-19; Trung tâm Y tế Vietsovpetro; các cơ sở y tế tư nhân, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố triển khai các biện pháp phòng chống, ứng phó dịch bệnh kịp thời trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp.

Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19 (tính đến 18g00 ngày 14/4/2023)

Số vắc xin được Bộ Y tế phân bổ (tính đến 08/02/2023) 3.253.998 liều

Người trên 18 tuổi (884.929 người)

+ Tiêm mũi 3:	723.125/ 884.929 (đạt 81,72%) (+0)
+ Tiêm mũi 4:	181.884/ 884.929 (đạt 20,55%) (+0)
	<i>(đạt 110,91% nếu tính trên số người chỉ định tiêm mũi 4(*) là 163.990 người)</i>

Trẻ em 12-17 tuổi (103.714 trẻ):

+ Tiêm mũi 3:	57.790 / 103.714 (đạt 55,72%) (+0)
---------------	---------------------------------------

Trẻ em 5-11 tuổi (137.780 trẻ):

+ Tiêm mũi 1:	107.446 / 137.780 (đạt 77,98%) (+8)
+ Tiêm mũi 2:	71.925/137.780 (đạt 52,20%) (+94)

3. Công tác tiêm chủng mở rộng:

- Số trẻ tiêm đủ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi 1.193 trẻ, số cộng dồn 5.290, đạt tỷ lệ 34,71% chỉ tiêu kế hoạch được giao (98%).
- Số trẻ được tiêm phòng uốn ván sơ sinh 1.369 trẻ, số cộng dồn 4.150, đạt tỷ lệ 27,23% chỉ tiêu kế hoạch được giao (>85%).
- Số trẻ được tiêm vắc xin VNNB3 cho trẻ đã tiêm đủ 02 liều Viêm não Nhật Bản 1.838 trẻ, số cộng dồn 5.124, đạt tỷ lệ 34,19% chỉ tiêu kế hoạch được giao (90%).
- Số trẻ được tiêm đủ 2 liều Viêm não Nhật Bản cho trẻ ≥ 12 tháng 2.032 trẻ, số cộng dồn 5.174, đạt tỷ lệ 35,34% chỉ tiêu kế hoạch được giao (90%).
- Số trẻ tiêm nhắc DPT4 cho trẻ ≥ 18 tháng 1.800 trẻ, số cộng dồn 5.502, đạt tỷ lệ 36,45% chỉ tiêu kế hoạch được giao (90%).
- Số trẻ tiêm MR (vắc xin tổng hợp nhằm phòng chống bệnh sởi và rubella) cho trẻ ≥ 18 tháng 1.972 trẻ, số cộng dồn 6.755 trẻ, đạt tỷ lệ 44,76% chỉ tiêu kế hoạch được giao (95%).
- Số phụ nữ có thai tiêm đủ liều vắc xin uốn ván 1.221 mũi, số cộng dồn 4.658, đạt tỷ lệ 30,28%, chỉ tiêu kế hoạch được giao (90%)
- Không để xảy ra các bệnh bại liệt, bạch hầu, ho gà, sởi uốn ván sơ sinh.

4. Công tác phòng, chống HIV/AIDS:

a) Tình hình nhiễm HIV/AIDS

Nội dung báo cáo	Tháng báo cáo (Từ 01/02/2023 đến 28/02/2023)	Tháng trước tháng báo cáo (Từ 01/01/2023 đến 31/01/2023)	Tháng cùng tháng báo cáo năm trước (Từ 01/02/2022 đến 28/02/2022)
Số người nhiễm HIV báo cáo trong tháng (gồm cả số mới xét nghiệm và số xét nghiệm lần trước)	6	8	16
Số chuyển bệnh nhân AIDS báo cáo trong tháng (gồm số mới trong tháng và số chuyển AIDS báo cáo bổ sung)	0	0	2
Số bệnh nhân tử vong báo cáo trong tháng (gồm số tử vong trong tháng và số tử vong từ trước báo cáo bổ sung)	0	0	0

b) Nhận xét, đánh giá phòng, chống HIV/AIDS

- Tính đến ngày 31/3/2023, số trường hợp nhiễm HIV tích lũy là 5.365 người (số hiện còn sống là 3.239 người), số bệnh nhân AIDS tích lũy đến hiện tại là 3.532 người, số người nhiễm HIV tử vong tích lũy là 2.126 trường hợp.

- So với tháng trước, số trường hợp nhiễm HIV giảm 2 ca; số bệnh nhân AIDS tương đương (0 ca), số trường hợp tử vong tương đương (0 ca).

- So với cùng kỳ năm trước, số trường hợp nhiễm HIV giảm 10 ca; số bệnh nhân AIDS giảm 2 ca, số trường hợp tử vong tương đương (0 ca).

c) Điều trị Methadone

- Tính đến 31/3/2023, số cơ sở điều trị Methadone là 03 cơ sở; tổng số bệnh nhân đang điều trị: 403 người.

+ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 139 người

+ TTYT TP Vũng Tàu: 149 người

+ TTYT huyện Long Điền: 115 người

- Số cơ sở cấp phát Methadone/số huyện thị thành: 04/04 (gồm các cơ sở huyện Xuyên Mộc, huyện Châu Đức, huyện Đất Đỏ, thị xã Phú Mỹ).

* Lưu ý: Số liệu 139 bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone - TTKSBT bao gồm cả số liệu bệnh nhân đang uống tại cơ sở điều trị Methadone - TTKSBT và 4 điểm cấp phát thuốc Methadone vệ tinh Xuyên Mộc, Châu Đức, Đất Đỏ, Phú Mỹ của cơ sở điều trị Methadone.

d) Hoạt động kiểm soát và phòng, chống HIV/AIDS

- Duy trì các hoạt động tại khoa: công tác báo cáo, dự trữ thuốc ARV nguồn BHYT; mua thẻ BHYT cho bệnh nhân không có điều kiện mua thẻ; hoạt động cấp phát thuốc cho bệnh nhân Methadone.

- Thực hiện giám sát hỗ trợ kỹ thuật hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn.

- Tăng cường thực hiện hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý người nhiễm (phần mềm HIV 4.0) tại tỉnh.

- Hoàn thiện kế hoạch chương trình mục tiêu chi thường xuyên hoạt động phòng, chống HIV/AIDS.

- Triển khai các hoạt động dự án EPIC năm thứ 4 (01/10/2022-30/9/2023).

+ Triển khai hoạt động Tiếp cận cộng đồng, tìm ca y tế.

+ Sàng lọc bệnh không lây trong chăm sóc, điều trị HIV/AIDS tại cơ sở

- Tổ chức hội nghị, tập huấn, giao ban các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo tiến độ đề ra.

5. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm:

a) Tình hình ngộ độc thực phẩm

- Trong tháng, không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.
- Số liệu cộng dồn 4 tháng năm 2023: 00 vụ ngộ độc thực phẩm, 00 ca mắc, 00 ca tử vong.

b) Triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm

Triển khai các hoạt động mua mẫu, lấy mẫu xét nghiệm giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm đối với thực phẩm ăn ngay, nước uống đóng chai, nước đá, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng tại các Cơ sở sản xuất, kinh doanh, Chợ, Cửa hàng tạp hóa và mẫu thực phẩm lưu tại các Nhà hàng - Khách sạn, Bếp ăn tập thể, Trường học.

c) Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm an toàn thực phẩm

Tháng 4 toàn tỉnh đã kiểm tra 695 cơ sở, số cơ sở đạt tiêu chuẩn là 663, chiếm tỷ lệ 95,4%, số cơ sở vi phạm là 32, số cơ sở bị xử lý là 05, số tiền nộp phạt là 63.000.000 đồng. Trong đó:

- + Tuyến tỉnh: số cơ sở kiểm tra: 47, số cơ sở đạt: 44, tỷ lệ đạt: 93,6%;
- + Tuyến huyện: số cơ sở kiểm tra: 169, số cơ sở đạt: 161, tỷ lệ đạt: 95,3%;
- + Tuyến xã: số cơ sở kiểm tra: 479, số cơ sở đạt: 458, tỷ lệ đạt: 95,6%;

Cộng dồn đến tháng 4: toàn tỉnh đã kiểm tra 2.988 cơ sở, số cơ sở đạt tiêu chuẩn là 2.803, chiếm tỷ lệ 93,8%, số cơ sở vi phạm là 185, số cơ sở bị xử lý là 18, số tiền nộp phạt là 141.375.000 đồng. Trong đó:

- + Tuyến tỉnh: số cơ sở kiểm tra: 141, số cơ sở đạt: 134, tỷ lệ đạt: 95,04%;
- + Tuyến huyện: số cơ sở kiểm tra: 699, số cơ sở đạt: 646, tỷ lệ đạt: 92,4%;
- + Tuyến xã: số cơ sở kiểm tra: 2.148, số cơ sở đạt: 2.023, tỷ lệ đạt: 94,2%.

d) Kết quả xét nghiệm

- Các chỉ tiêu có tỷ lệ đạt 100% bao gồm: 150 mẫu thực phẩm kiểm tra Hàn the; 92 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol; 10 mẫu rượu kiểm tra Methanol; 09 mẫu thực phẩm kiểm tra phẩm màu; 08 mẫu thực phẩm kiểm tra ôi khét dầu mỡ; 12 mẫu thực phẩm kiểm tra Hypochlorid; 14 mẫu thực phẩm kiểm tra dấm ăn; 02 mẫu thực phẩm kiểm tra Salicilic; 04 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrit; 09 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrat.

- Cộng dồn đến tháng 4 năm 2023⁷: Các chỉ tiêu có tỷ lệ đạt 100% bao gồm: 856 mẫu thực phẩm kiểm tra Hàn the; 452 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol; 114 mẫu rượu kiểm tra Methanol; 105 mẫu thực phẩm kiểm tra phẩm màu; 08 mẫu thực phẩm kiểm tra ôi khét dầu mỡ; 12 mẫu thực phẩm kiểm tra Hypochlorid; 39 mẫu thực phẩm kiểm tra dấm ăn; 16 mẫu thực phẩm kiểm tra Salicilic; 20 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrit; 45 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrat.

đ) Công tác tuyên truyền

Tháng 4, viết 14 bài báo về an toàn thực phẩm trên toàn tỉnh; Số bài phát trên loa truyền thanh: 29; Tờ rơi, áp phích: 05 cái; Tập huấn: 04 lớp/ 389 người tham dự.

Cộng dồn đến tháng 4: viết 39 bài báo về an toàn thực phẩm trên toàn tỉnh; Số bài phát trên loa truyền thanh: 158; Pano: 260 cái; Tờ rơi, áp phích: 15 cái; Băng rôn: 67 cái; Xe loa tuyên truyền: 03; Nói chuyện chuyên đề ATTP: 32 buổi/ 22,337 người tham dự; Tập huấn kiến thức ATTP cho cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: 07 lớp/643 người.

e) Nhân xét, đánh giá quản lý an toàn thực phẩm

- Số lượt kiểm tra đến tháng 4 năm 2023 cao hơn so với cùng kỳ năm 2022: 2.988 (tăng 1,3 lần). Lý do cùng kỳ năm 2022 do tình hình dịch bệnh vẫn chưa hoàn toàn ổn định do đó, nên hoạt động kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm thực phẩm điều chỉnh để phù hợp với tình hình xã hội.

+ Tuyến tỉnh: số cơ sở kiểm tra: 47, số cơ sở đạt: 44, tỷ lệ đạt: 93,6%;

+Tuyến huyện: số cơ sở kiểm tra: 169, số cơ sở đạt: 161, tỷ lệ đạt: 95,3%;

+ Tuyến xã: số cơ sở kiểm tra: 479, số cơ sở đạt: 458, tỷ lệ đạt: 95,6%;

- Tháng 4/2023, không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào trên địa bàn tỉnh.

6. Công tác quản lý môi trường y tế:

a) Vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp:

- Số cơ sở quan trắc môi trường lao động: thực hiện trong tháng 00, số liệu cộng dồn: 01 cơ sở.

- Số cơ sở khám sức khỏe định kỳ/ số người được khám: thực hiện trong tháng là 03 cơ sở/16 người, số liệu cộng dồn: 63 cơ sở/478 người.

⁷ Các chỉ tiêu có tỷ lệ đạt 100% bao gồm: 856 mẫu thực phẩm kiểm tra Hàn the; 452 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol; 114 mẫu rượu kiểm tra Methanol; 105 mẫu thực phẩm kiểm tra phẩm màu; 08 mẫu thực phẩm kiểm tra ôi khét dầu mỡ; 12 mẫu thực phẩm kiểm tra Hypochlorid; 39 mẫu thực phẩm kiểm tra dấm ăn; 16 mẫu thực phẩm kiểm tra Salicilic; 20 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrit; 45 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrat.

- 556 mẫu thực phẩm kiểm tra hành the, đạt 556 mẫu, tỷ lệ đạt 100%.

- 452 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol, đạt 452 mẫu, tỷ lệ đạt 100%.

- Số cơ sở được khám bệnh nghề nghiệp/số người lao động được khám bệnh nghề nghiệp: thực hiện trong tháng là 00 cơ sở/00 người, số liệu cộng dồn là: 01 cơ sở/02 người.

- Số cơ sở lao động được quản lý: thực hiện trong tháng 00 cơ sở, số liệu cộng dồn 23 cơ sở.

b) Công tác quản lý môi trường y tế:

Thực hiện lấy và xét nghiệm 62 mẫu nước tại 14 cơ sở cấp nước trên địa bàn tỉnh⁸. Kết quả 62/62 mẫu (100%) đạt tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT.

7. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình:

a) Hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình:

+ Hỗ trợ các đơn vị trong triển khai Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trong năm 2023.

+ Triển khai Chương trình tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật sơ sinh miễn phí năm 2023 tại các đơn vị gửi mẫu về Bệnh viện Từ Dũ, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tiếp tục triển khai Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đến năm 2030; Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 24/6/2022 về việc triển khai thực hiện gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

+ Sàng lọc trước sinh: Trong tháng đã thực hiện xét nghiệm và tư vấn trả kết quả sàng lọc trước sinh cho 877 thai phụ.

+ Sàng lọc sơ sinh: Trong tháng đã thực hiện tư vấn và trả kết quả cho 286 trẻ được sàng lọc sơ sinh.

- Mô hình “Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân”:

+ Duy trì các hoạt động truyền thông và duy trì sinh hoạt câu lạc bộ “tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân”.

+ Chi cục Dân số-KHHGD phối hợp cùng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tham mưu cho Sở Y tế xây dựng Kế hoạch Quản lý nhà nước về thanh niên năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

+ Phối hợp truyền thông qua hệ thống phát thanh loa đài tại địa bàn dân cư, duy trì các hoạt động truyền thông lồng ghép, tư vấn trực tiếp tại cộng đồng.

- Kiểm soát mắt cân bằng giới tính khi sinh:

⁸Trong đó bao gồm: Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu: 24 mẫu, Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: 21 mẫu, Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ: 08 mẫu, Công ty Cấp nước Tóc Tiên: 06 mẫu, Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức: 3 mẫu.

+ Duy trì các hoạt động truyền thông về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh tại địa phương.

+ Duy trì sinh hoạt 22 câu lạc bộ Dân số-KHHGD và Dân số-Gia đình-Trẻ em của Hội phụ nữ và Hội nông dân tỉnh.

+ Tiếp tục truyền thông qua hệ thống loa đài tại địa phương và Trạm Y tế về Đề án “Can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh”.

- Tiếp tục triển khai việc rà soát thu thập cập nhật thông tin trong cơ sở dữ liệu Dân số-KHHGD và thực hiện báo cáo điện tử thống kê chuyên ngành Dân số-KHHGD hàng tháng.

- Truyền thông về Dân số và phát triển: Ban hành công văn triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông năm 2023 theo định hướng của Tổng cục Dân số-KHHGD; vận động nhân dân thực hiện chương trình dân số và phát triển, chú trọng đến chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh bệnh lây truyền qua đường tình dục, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn và phá thai; giới và mất cân bằng giới tính khi sinh; già hóa dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; vận động mỗi cặp vợ chồng trẻ sinh đủ 2 con.

b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về dân số

- Tổng số trẻ được sinh ra trong tháng: 1.031 trẻ. Lũy kế 3.915 trẻ, tăng 420 trẻ so cùng kỳ năm 2022.

- Tổng số người sử dụng biện pháp tránh thai: 58.197 người, đạt 111,9% kế hoạch (kế hoạch giao 52.000 người).

c) Nhận xét, đánh giá

Các chỉ tiêu đạt so kế hoạch đề ra.

- Tỷ lệ sàng lọc trước sinh đạt 85%/ chỉ tiêu 85%.

- Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh đạt 62,7%/ chỉ tiêu 80,5%.

- Thực hiện dịch vụ KHHGD đạt 58%.

8. Công tác phòng chống lao, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính:

a) Phòng chống lao

- Tổng số khám phát hiện: 392, lũy tích 1.257.

- Số bệnh nhân lao mới 116, lũy tích 398; lao phổi mới 86, lũy tích 288.

- Số bệnh nhân điều trị khỏi chung 97/124; chiếm tỷ lệ 78,22%, trong đó lao phổi (mới và tái phát) 64/85 chiếm 75,2%.

- Số quản lý điều trị lao kháng thuốc 05, lũy tích 19, đạt 38%.

- Số quản lý điều trị lao trẻ em 00, lũy tích 01, đạt 3,8%.

b) Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính

- Số người được khám sàng lọc: 438, lũy tích 1.139.

- Số người trên 40 tuổi được khám sàng lọc: 354 người, lũy tích 931.

- Số bệnh nhân phát hiện: 81
- Số bệnh nhân quản lý (năm): 80 bệnh nhân.

c) Nhận xét, đánh giá công tác phòng, chống bệnh lao, bệnh phổi

- Bệnh lao: so với cùng kỳ năm trước, số người khám phát hiện lao tăng 200%, số bệnh nhân lao các thể thu dung giảm 6,4% so với cùng kỳ năm trước, số bệnh nhân điều trị khỏi chung tăng 9%, số bệnh nhân tử vong tăng 400% cùng kỳ năm trước (Tháng 3 tử vong 10 BN).

- Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính: so với cùng kỳ năm trước, số người khám sàng lọc tăng 42%, số bệnh nhân mắc mới phát hiện được trong tháng tăng 60%.

9. Công tác Truyền thông – Giáo dục sức khỏe:

- Truyền thông phòng chống các bệnh truyền nhiễm lưu hành, mới nổi, tái nổi như: COVID-19, Sốt xuất huyết, Tay chân miệng, Đậu mùa khỉ, Viêm gan B; bệnh Sởi, bệnh Viêm não, Cúm mùa, bệnh Lao, Phổi, phòng chống HIV/AIDS, Cúm lạc đà, virus Marburg, bệnh Đại ...

- Truyền thông phòng chống các bệnh không lây nhiễm: Rụng tóc do thiếu Omega 3; chăm sóc da; bệnh răng miệng; trầm cảm sau sinh; tầm soát phát hiện bệnh Glacom; tăng huyết áp; đái tháo đường; bệnh tim mạch; bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính; bệnh thiếu máu não; bệnh tuyến giáp; bệnh huyết áp; giảm ăn muối; tác hại của bia, rượu...

- Truyền thông các chủ đề sức khỏe: Hưởng ứng Ngày Thế giới thính giác 3/3; Ngày Sức khỏe răng miệng thế giới 20/3; Ngày nước sạch thế giới 22/3; Tháng hành động phòng chống Lao nhân ngày Thế giới phòng chống Lao 24/3; Ngày Công tác xã hội Việt Nam 25/3.

- Xây dựng kế hoạch Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe năm 2023.

- Phối hợp truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo BR-VT, Đài Phát thanh truyền hình Tỉnh.

- Truyền thông qua trang thông tin điện tử của Sở Y tế, trang thông tin điện tử và mạng xã hội Facebook của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

- Kế hoạch truyền thông hưởng ứng Ngày Thế giới phòng chống Lao.

- Truyền thông phòng chống bệnh Liên cầu lợn trên người.

- Truyền thông phòng chống dịch bệnh Cúm A (H5N1).

II. CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH

1. Y học hiện đại:

a) Triển khai các hoạt động

- Thực hiện nghĩa vụ luân phiên, ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục trong khám chữa bệnh.

- Tiếp tục thực hiện Bộ 83 tiêu chí chất lượng; đổi mới phong cách phục vụ, nâng cao y đức; xây dựng cơ sở y tế “Xanh - Sạch - Đẹp” hướng tới sự hài lòng của người bệnh; thực hiện các chính sách khám chữa bệnh.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, rút ngắn thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho bệnh nhân trong việc khám chữa bệnh.

b) Kết quả thực hiện

- Trong tháng đã khám, điều trị cho 197.831, lũy tích 732.404 lượt người⁹. Công suất sử dụng giường bệnh tuyến tỉnh là 88%, tuyến huyện là 18%¹⁰.

- Khám và điều trị cho bệnh nhân nội trú trong tháng 9.013 lượt người, lũy tích 34.679 lượt người. Trong đó: tuyến tỉnh 8.086 lượt người; tuyến huyện 927 lượt người.

c) Nhận xét, đánh giá công tác khám chữa bệnh

- So với tháng trước: Số lượt KCB tăng 13%, công suất giường bệnh tuyến tỉnh tăng 8%, tuyến huyện tăng 1%.

- So với cùng kỳ năm trước: Số lượt KCB tăng 29%, công suất giường bệnh tuyến tỉnh tăng 14%, tuyến huyện giảm 1%. Lý do tuyến huyện công suất giảm là do năm 2022 bệnh nhân COVID-19 nhập viện, được tính vào điều trị nội trú.

2. Công tác Y dược cổ truyền:

Trong tháng khám và điều trị 13.375 lượt người. Trong đó: Tuyến tỉnh 4.680 lượt khám; Tuyến huyện 3.704 lượt khám; Tuyến xã 4.973 lượt khám.

Nhận xét, đánh giá

Hoạt động khám chữa bệnh YHCT kết hợp chặt chẽ giữa khám chữa bệnh hiện đại và khám chữa bệnh y học cổ y truyền trong công tác khám chữa bệnh.

3. Khám chữa bệnh cho đối tượng thuộc diện Ban BVSKCB quản lý:

Trong tháng đã khám và điều trị cho đối tượng bệnh nhân là cán bộ 2.147 lượt người¹¹. Số liệu cộng dồn đến tháng 4 năm 2023 là 6.638 lượt người¹².

⁹Tổng số lần khám tuyến tỉnh 327.789 lượt khám. Trong đó: BV Vũng Tàu 128.061; BV Bà Rịa 138.201; BV Tâm Thần 17.154; BV Mắt 29.757; BV YHCT 13.828; BV Phôi 788. Tuyến huyện 282.290. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 44.203; TTYT Long Điền 39.646; TTYT Phú Mỹ 35.822; TTYT Châu Đức 34.042; TTYT Côn Đảo 7.874; TTYT Đất Đỏ 29.834; TTYT TP Vũng Tàu 51.406; TTYT TP Bà Rịa 39.463. Tuyến xã 122.324 lượt khám. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 12.722; TTYT Long Điền 22.067; TTYT Phú Mỹ 1.769; TTYT Châu Đức 12.238; TTYT Đất Đỏ 7.953; TTYT TP Vũng Tàu 63.329; TTYT TP Bà Rịa 2.246.

¹⁰Công suất sử dụng giường bệnh tuyến tỉnh 88%. Trong đó: Bệnh viện Vũng Tàu 106%; Bệnh viện Bà Rịa 98%; BV Tâm Thần 102%; BV Mắt 81%, YHCT 51%. Công suất sử dụng giường bệnh tuyến huyện 18%. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 24%; TTYT Long Điền 25%; TTYT Phú Mỹ 11%; TTYT Châu Đức 13%; TTYT Đất Đỏ 8%; TTYT Côn Đảo 13%.

¹¹BV Bà Rịa 548, Long Điền 3, Xuyên Mộc 60, BV Vũng Tàu 1.334, Châu Đức 12, Côn Đảo 30, Đất Đỏ 154, Phú Mỹ 6.

¹²BV Bà Rịa 1.868, Long Điền 15, Xuyên Mộc 207, BV Vũng Tàu 3.650, Châu Đức 64, Côn Đảo 55, Đất Đỏ 755, Phú Mỹ 24.

4. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em:

a) Triển khai các hoạt động

- Duy trì các hoạt động để thực hiện chỉ tiêu giao và công tác khám chữa bệnh sản phụ khoa tại cơ sở 2 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.
- Tình trạng đẻ rơi vẫn còn xảy ra, trong tháng có 4 ca đẻ rơi.

b) Kết quả thực hiện

- Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống trong tháng ghi nhận 00 trường hợp, số cộng dồn 01 trường hợp, chiếm tỷ lệ 26,7‰ (chỉ tiêu <26‰).
- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 01 tuổi trong tháng ghi nhận 02 trường hợp, cộng dồn 08 trường hợp, chiếm 2,1% (chỉ tiêu dưới 8%).
- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trong tháng ghi nhận 03 trường hợp, cộng dồn 09 trường hợp, chiếm 2,4% (chỉ tiêu dưới 14%).

c) Nhận xét, đánh giá

Các chỉ tiêu nằm trong giới hạn kiểm soát.

III. THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC TRỌNG TÂM TRONG THÁNG

1. Công tác Văn phòng:

- Tham mưu CV 815/SYT-VP về việc đề nghị góp ý dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức của SYT gửi các cơ quan, đơn vị (lần 2).

- Tham mưu Tờ trình số 60/TTr-SYT trình UBND tỉnh về việc xin chủ trương xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo sau ĐH đối với viên chức đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc SYT giai đoạn 2023-2030.

- Tham mưu công văn số 1002/SYT-VP gửi Sở Tư pháp về việc đề nghị thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng đề cương Nghị quyết “chính sách mức hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân tâm thần điều trị nội trú tại BV Tâm thần tỉnh BR-VT”.

- Tiếp tục tham mưu lãnh đạo trong công tác kiện toàn các chức danh lãnh đạo, quản lý.

- Triển khai và phối hợp với các đơn vị và các phòng chuyên môn nghiệp vụ thực hiện việc cập nhật thông tin công chức, viên chức trên phần mềm quản lý do Sở Nội vụ triển khai.

- Phối hợp với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết các thủ tục hành chính thí điểm (9 thủ tục hành chính cấp CCHN Dược, KCB).

- Báo cáo số liệu tiếp nhận trong kỳ từ ngày 13/3/2023 – 13/4/2023:

+ Tổng hồ sơ tiếp nhận: 421 hồ sơ; trong đó tồn kỳ trước là 127 hồ sơ, hồ sơ tiếp nhận trực tiếp 23 hồ sơ và hồ sơ trực tuyến 271 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đã giải quyết: 275 hồ sơ; trong đó trước hạn 254 hồ sơ, đúng hạn 18 hồ sơ, 03 hồ sơ quá hạn (lý do lỗi hệ thống theo báo cáo của bộ phận 1 cửa – 03 hồ sơ của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm).

+ Số hồ sơ đang giải quyết: 146 hồ sơ, trong đó có 146 hồ sơ trong hạn.

- Kết quả khảo sát sự hài lòng của bệnh nhân điều trị nội trú 92,2%.

2. Công tác Thanh tra, kiểm tra¹³

a) Công tác kiểm tra

- Tổng số cơ sở được kiểm tra: 826. Số cơ sở vi phạm: 80 cơ sở. Trong đó: Nhắc nhở: 57 cơ sở, đang xử lý 04, ngưng hoạt động 00, xử phạt: 22 cơ sở, số tiền xử phạt là 418.000.000 đồng.

- Số liệu cộng dồn đến tháng 4 năm 2023: Tổng số cơ sở được kiểm tra: 3.302, số cơ sở vi phạm: 237 cơ sở. Trong đó: nhắc nhở: 189 cơ sở, xử phạt: 40 cơ sở, số tiền phạt là 636.875.000 đồng.

b) Nhận xét, đánh giá

- So với cùng kỳ 2022: Số cơ sở được kiểm tra tăng 82%. Số tiền phạt tăng so với cùng kỳ năm trước là 297.000.000 đồng.

- So với tháng trước số lượt kiểm tra tăng 31%. Số tiền phạt tăng so với cùng kỳ năm trước là 317.000.000 đồng.

3. Công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Công tác tiếp công dân: 00.

b) Tiếp nhận đơn thư tố cáo: Kỳ trước chuyển sang 02; trong kỳ 00.

c) Phân loại đơn thư tố cáo: Khiếu nại 01, Phản ánh: 01.

d) Kết quả xử lý đơn thư: Đã giải quyết 02 (khiếu nại BVVT của Ông Nguyễn Hoàng Tuấn, đơn phản ánh của Ông Nguyễn Văn Tám).

¹³Kiểm tra cơ sở khám, chữa bệnh công lập, tư nhân:

a) Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố: Số cơ sở KCB công lập được kiểm tra: 13. Số cơ sở KCB tư nhân được kiểm tra: 40. Số cơ sở YHCT được kiểm tra 04. Số cơ sở vi phạm 22 (nhắc nhở 13, Phạt tiền 08 cơ sở). Số liệu cộng dồn đến tháng 4 năm 2023: Số cơ sở KCB tư nhân được kiểm tra: 84. Số cơ sở vi phạm: 25 cơ sở. Trong đó: Nhắc nhở: 14 cơ sở. Tổng số cơ sở YHCT được kiểm tra: 14. Số cơ sở vi phạm: 01 cơ sở. Trong đó: Nhắc nhở 01.

b) Thanh tra Sở: Số cơ sở KCB công lập kiểm tra: 07. Số cơ sở vi phạm 00. Số cơ sở KCB tư nhân được kiểm tra 05. Số cơ sở vi phạm 04 (nhắc nhở 01; Đang xử lý 01; Phạt tiền 02). Số cơ sở YHCT được kiểm tra 00. Số cơ sở vi phạm 00. Số liệu cộng dồn đến tháng 4 năm 2023: Tổng số cơ sở KCB công lập được kiểm tra: 13. Số cơ sở KCB tư nhân được kiểm tra 09. Số cơ sở YHCT được kiểm tra 06. Số cơ sở vi phạm: 05 cơ sở.

Kiểm tra cơ sở Dược công lập và Dược tư nhân:

a) Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố: Số cơ sở được công lập được kiểm tra: 13. Số cơ sở dược tư nhân được kiểm tra: 34. Số cơ sở vi phạm: 15 cơ sở (nhắc nhở 14, Phạt tiền 01). Số liệu cộng dồn đến tháng 4 năm 2023: Tổng số cơ sở dược tư nhân được kiểm tra 92 cơ sở. Số cơ sở vi phạm: 15.

b) Thanh tra Sở: Trong tháng số cơ sở dược công lập được kiểm tra: 00. Số cơ sở dược tư nhân được kiểm tra 05. Số cơ sở vi phạm: 02 (nhắc nhở 01, Phạt tiền 01).

Kiểm tra cơ sở kinh doanh mỹ phẩm, hóa chất diệt khuẩn, diệt côn trùng:

a) Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố: Trong tháng số cơ sở kinh doanh mỹ phẩm được kiểm tra: 10. Số cơ sở diệt hóa chất côn trùng được kiểm tra 00. Số liệu cộng dồn đến tháng 04 năm 2023: Số cơ sở kinh doanh dược phẩm 31 cơ sở. Số cơ sở diệt hóa chất côn trùng: 25 cơ sở. Số cơ sở vi phạm 00.

b) Thanh tra Sở: Trong tháng số cơ sở kinh doanh mỹ phẩm được kiểm tra: 00. Số cơ sở diệt hóa chất côn trùng 00 cơ sở. Số liệu cộng dồn đến 3 tháng năm 2023: 00 cơ sở. Số cơ sở vi phạm 00.

- Số liệu cộng dồn đến tháng 4 năm 2023:

+ Tổng số 02 đơn. Trong đó: Khiếu nại: 01, Phản ánh 01 đơn.

+ Kết quả xử lý: Đã giải quyết 02 (01 đơn khiếu nại của BVVT ông Nguyễn Hoàng Tuấn; 01 đơn phản ánh của ông Nguyễn Văn Tám).

Nhận xét, đánh giá: Trong tháng không có đơn thư khiếu nại, tố cáo nào. So cùng kỳ 2022, số đơn thư khiếu nại, tố cáo giảm. So với tháng trước giảm, lý do là tháng 3 không có đơn thư nào.

4. Phản ánh trên Đường dây nóng Bộ Y tế và Lãnh đạo tỉnh:

- **Phản ánh trên Đường dây nóng Lãnh đạo tỉnh:**

+ Đường dây nóng lãnh đạo tỉnh: 06 {(TTYT Xuyên Mộc (02): Hết vắc xin 5 trong 1; BV Bà Rịa (01): Thiếu bác sĩ da liễu; CDC (01): Hết vắc xin đại; BV Tâm Thần (01): Không có bác sĩ trực; TTYT TP Vũng Tàu (1): Quy tắc ứng xử}.

+ Tổng số phản ánh: 06 (lũy kế đến tháng 4/2023 là 09 phản ánh).

+ Xử lý, giải quyết dứt điểm: 04.

+ Số phản ánh đang giải quyết: 02.

Nhận xét: Số phản ánh tháng 04/2023 tăng so với tháng 03/2022 (04 phản ánh); nội dung phản ánh không trùng lặp so với tháng các tháng trước.

- **Phản ánh trên Đường dây nóng Bộ Y tế:**

+ Tiếp nhận trong kỳ: 09, gồm: BV Bà Rịa (5): quy tắc ứng xử, cơ sở vật chất, thu phí KCB, chuyển viện, sử dụng lại VTYT cho bệnh nhân; PKĐK Bình An: (01): thu phí KCB; TTYT huyện Xuyên Mộc (02): hết vắc xin 5 trong 01; TTYT TP Bà Rịa (01): hết vắc xin bại liệt.

+ Tổng số phản ánh: 09 (lũy kế đến tháng 4/2023 là 28 phản ánh).

+ Xử lý, giải quyết dứt điểm: 09.

+ Số phản ánh đang giải quyết: 00.

Nhận xét: Số phản ánh tháng 4/2023 tăng so với tháng 3/2022 (05 trường hợp) nội dung phản ánh chủ yếu và trùng lặp so với tháng các tháng trước về việc hết vắc xin 5 trong 01.

5. Công tác chuyên môn Nghiệp vụ:

- Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, hướng dẫn các địa phương thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát dịch bệnh, đánh giá nguy cơ dịch bệnh; tăng cường giám sát, phát hiện sớm, đáp ứng nhanh, xử lý triệt để ổ dịch, không để lan rộng và kéo dài tại cộng đồng.

- Tăng cường công tác quản lý và triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19, dự kiến nhu cầu vắc xin phòng COVID-19 cho 6 tháng cuối năm 2023.

- Nâng cao công suất sử dụng giường bệnh và đề xuất các giải pháp nâng cao công suất sử dụng giường bệnh tuyến huyện.

- Tăng cường công tác truyền thông hưởng ứng “Tháng hành động vì An toàn thực phẩm” năm 2023. Và phối hợp tổ chức lễ phát động Tháng hành động vì ATTP năm 2023.

- Báo cáo công tác đấu thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương cho các cơ sở khám chữa bệnh công lập và tham dự hội nghị triển khai đấu thầu thuốc và lựa chọn nhà thầu qua mạng tại các cơ sở y tế công lập.

- Triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trong ngành Y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2023.

6. Công tác Kế hoạch Tài chính:

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên.

- Trình UBND tỉnh phương án xây dựng Trung tâm Y tế thành phố Vũng Tàu 30 GB; tham gia đoàn khảo sát của UBND TP.Bà Rịa xây dựng TTYT TP.Bà Rịa 30 GB.

- Thống nhất phương thức tiếp nhận hỗ trợ đối với vốn đầu tư xây dựng Trung tâm Quân dân y huyện Côn Đảo theo Công văn số 3860/UBND-VP ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh.

- Đề xuất kinh phí thanh toán khối lượng hoàn thành cho các nhà thầu thực hiện các công trình phục vụ phòng chống Covid-19.

- Trình UBND tỉnh xin ý kiến về việc hủy hóa chất, sinh phẩm mượn của các doanh nghiệp để chống dịch Covid-19 còn tồn và hết hạn sử dụng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

7. Công tác chuyên môn khác:

a) Giám định y khoa:

- Tháng 04/2023:

- Số liệu số đối tượng được kết luận chung: 680. Trong đó:

+ Số ca khám giám định: 31 (Giám định chất độc hóa học: 01; Giám định Tai nạn lao động lần đầu: 08; Giám định Bệnh nghề nghiệp lần đầu: 02; Giám định hưu trí: 18, Giám định khuyết tật: 01; Giám định khác: 01).

+ Số ca khám sức khỏe: 649.

- Cộng dồn hết tháng 04/2023:

- Số liệu số đối tượng được kết luận chung: 1.798. Trong đó:

+ Số ca khám giám định: 122 (Giám định chất độc hóa học: 08; Giám định Tai nạn lao động lần đầu: 44; Giám định Bệnh nghề nghiệp lần đầu: 11;

Giám định tổng hợp: 01; Giám định hư trí: 53; Giám định BHXH một lần: 02; Giám định khuyết tật: 01; Giám định khác: 02).

+ Số ca khám sức khỏe: 1.676.

b) Giám định pháp y:

- Tổng số ca giám định: 43. Trong đó: Giám định thương tật 37; Giám định tử thi 00; Giám định tình dục 04; Giám định nồng độ rượu 00; Giám định khác 02.

- Số liệu cộng dồn đến tháng 4 năm 2023: Tổng số ca giám định: 160. Trong đó: Giám định thương tật 135; Giám định tử thi 00; Giám định tình dục 19; Giám định nồng độ rượu 00; Giám định khác 06.

c) Công tác đào tạo:

- Thực hiện tiến độ năm học 2022 – 2023.
- Theo dõi tiến độ năm học, giám sát việc dạy và học theo lịch giảng, kế hoạch đào tạo.
- Phối hợp với Trường CDYT Đồng Nai về công tác tuyển sinh và đào tạo liên kết.
- Liên hệ Bệnh viện Bà Rịa về kế hoạch thực tập bệnh viện năm 2023.
- Tổ chức lớp Cập nhật kiến thức chuyên ngành Dược CKD16.
- Thông báo và nhận đăng ký học viên lớp cập nhật kiến thức chuyên ngành dược CKD17.
- Triển khai kế hoạch mở rộng đào tạo liên tục, đào tạo theo nhu cầu xã hội.
- Triển khai kế hoạch liên kết, hợp tác đào tạo.
- Triển khai và tư vấn công tác tuyển sinh năm 2023
- Hoàn thành quyết định trúng tuyển bậc Trung cấp đợt 1, tổ chức nhập học.
- Xây dựng kế hoạch Hội giảng năm 2023.
- Phối hợp hoàn thành dự toán kinh phí lớp Bồi dưỡng Cộng tác viên dân số năm 2023.
- Tổ chức Lễ bế giảng và trao bằng tốt nghiệp cho học sinh các lớp YVK4, YSK5, DVK4 diễn ra vào ngày 04/3/2023.
- Triển khai kế hoạch hoạt động Khoa học công nghệ năm 2023.
- Hoàn thành bản dự thảo bổ sung, sửa đổi Quy chế giáo viên theo Thông tư số 28/2023/TT-BLĐTĐ ngày 28/12/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

IV. NHẬN XÉT CHUNG:

1. Tình hình dịch bệnh: Trong tháng ghi nhận 05/22 bệnh truyền nhiễm có số ca mắc. Trong đó 4 bệnh có số ca mắc rải rác, không gây dịch và 1 bệnh có số ca mắc cao là Sốt xuất huyết 83, tích lũy 549.

2. Tình hình dịch Covid-19:

- Từ 16g00 ngày 14/4/2023 đến 16g00 ngày 15/4/2023, toàn tỉnh ghi nhận 06 ca mắc COVID-19, 00 ca tử vong. Từ ngày 01/01/2023 đến nay toàn tỉnh ghi nhận 90 ca mắc, 00 ca tử vong. Kết quả tiêm vắc xin phòng COVID-19: Người trên 18 tuổi tiêm mũi 3 đạt 81,72%, tiêm mũi 4 đạt 20,55%; Trẻ em 12-17 tuổi tiêm mũi 3 đạt 55,72%; Trẻ em 5-11 tuổi Tiêm mũi 1 đạt 77,98%, tiêm mũi 2 đạt 52,20%.

3. Công tác tiêm chủng mở rộng:

- Số trẻ tiêm đủ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi 1.193 trẻ, số cộng dồn 5.290, đạt tỷ lệ 34,71% / chỉ tiêu kế hoạch được giao tính đến cuối năm 98%.

4. Công tác phòng, chống HIV/AIDS:

- So với tháng trước, số trường hợp nhiễm HIV giảm 2 ca; số bệnh nhân AIDS tương đương (0 ca), số trường hợp tử vong tương đương (0 ca).

- So với cùng kỳ năm trước, số trường hợp nhiễm HIV giảm 10 ca; số bệnh nhân AIDS giảm 2 ca, số trường hợp tử vong tương đương (0 ca).

5. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm:

- Trong tháng, không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.

- Số liệu cộng dồn 4 tháng năm 2023: 00 vụ ngộ độc thực phẩm, 00 ca mắc, 00 ca tử vong.

6. Công tác khám chữa bệnh:

- Công suất sử dụng giường bệnh tuyến tỉnh là 88%, tuyến huyện là 18%.

- So với tháng trước: Số lượt KCB tăng 13%, công suất giường bệnh tuyến tỉnh tăng 8%, tuyến huyện tăng 1%.

- So với cùng kỳ năm trước: Số lượt KCB tăng 29%, công suất giường bệnh tuyến tỉnh tăng 14%, tuyến huyện giảm 1%. Lý do tuyến huyện công suất giảm là năm 2022 bệnh nhân COVID-19 nhập viện, tính vào điều trị nội trú.

7. Khám chữa bệnh đối tượng thuộc diện ban bảo vệ sức khỏe cán bộ:

Trong tháng đã khám và điều trị cho đối tượng bệnh nhân là cán bộ 2.147 lượt người. Số liệu cộng dồn đến tháng 4 năm 2023 là 6.638 lượt người.

8. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em:

Các chỉ tiêu nằm trong giới hạn kiểm soát:

- Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống trong tháng ghi nhận 00 trường hợp, số cộng dồn 01 trường hợp, chiếm tỷ lệ 26,7%000 (chỉ tiêu <26%0000).

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 01 tuổi trong tháng ghi nhận 02 trường hợp, cộng dồn 08 trường hợp, chiếm 2,1% (chỉ tiêu dưới 8%).

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trong tháng ghi nhận 03 trường hợp, cộng dồn 09 trường hợp, chiếm 2,4% (chỉ tiêu dưới 14%).

- Tình trạng đẻ rơi vẫn còn xảy ra, trong tháng có 4 ca đẻ rơi.

9. Công tác Văn phòng:

- Đã đề nghị góp ý dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức của SYT.

- Trình UBND tỉnh về việc xin chủ trương xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với viên chức đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc SYT giai đoạn 2023-2030.

- Văn phòng đã gửi công văn cho Sở Tư pháp về việc đề nghị thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng đề cương Nghị quyết “chính sách mức hỗ trợ tiền ăn cho bệnh nhân tâm thần điều trị nội trú tại BV Tâm thần tỉnh BR-VT”

- Phối hợp với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết các thủ tục hành chính thí điểm (9 thủ tục hành chính cấp CCHN Dược, KCB).

10. Công tác Thanh tra, kiểm tra:

- So với tháng trước số lượt kiểm tra tăng 31%. Số tiền phạt tăng so với cùng kỳ năm trước là 317.000.000 đồng.

- So với cùng kỳ 2022: Số cơ sở được kiểm tra tăng 82%. Số tiền phạt tăng so với cùng kỳ năm trước là 297.000.000 đồng.

11. Công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo:

- Công tác tiếp công dân: 00.

- Tiếp nhận đơn thư tố cáo: Trong kỳ 00.

Nhận xét, đánh giá: Trong tháng không có đơn thư khiếu nại, tố cáo nào. So cùng kỳ 2022, số đơn thư khiếu nại, tố cáo giảm. Đã giải quyết 1 đơn tố cáo, 1 đơn phản từ tháng trước chuyển qua.

12. Phản ánh trên Đường dây nóng Bộ Y tế và Lãnh đạo tỉnh:

+ Số phản ánh tháng 04/2023: 15 trường hợp. Trong đó: Xử lý, giải quyết dứt điểm: 13. Số phản ánh đang giải quyết: 02.

Nhận xét: Số phản ánh tháng 04/2023 tăng so với tháng 3/2022 (04 phản ánh); nội dung phản ánh không trùng lặp so với tháng các tháng trước.

13. Công tác chuyên môn Nghiệp vụ:

- Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, hướng dẫn các địa phương thực hiện hiệu quả công tác kiểm soát dịch bệnh, đánh giá nguy cơ

dịch bệnh; tăng cường giám sát, phát hiện sớm, đáp ứng nhanh, xử lý triệt để ổ dịch, không để lan rộng và kéo dài tại cộng đồng.

- Tăng cường công tác quản lý và triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19, dự kiến Nhu cầu vắc xin phòng COVID-19 cho 6 tháng cuối năm 2023.

- Nâng cao công suất sử dụng giường bệnh và đề xuất các giải pháp nâng cao công suất sử dụng giường bệnh tuyến huyện.

- Tăng cường công tác truyền thông hưởng ứng “Tháng hành động vì An toàn thực phẩm” năm 2023. Và phối hợp tổ chức lễ phát động Tháng hành động vì ATTP năm 2023.

- Báo cáo công tác đấu thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương cho các cơ sở khám chữa bệnh công lập và tham dự hội nghị triển khai triển khai đấu thầu thuốc và lựa chọn nhà thầu qua mạng tại các cơ sở y tế công lập.

- Triển khai thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyên đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trong ngành Y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2023.

14. Công tác Kế hoạch Tài chính:

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên.

- Trình UB tỉnh phương án xây dựng Trung tâm Y tế thành phố Vũng Tàu 30 GB; tham gia đoàn khảo sát của UBND Tp.Bà Rịa xây dựng TTYT Tp.Bà Rịa 30 GB.

- Tình hình thực hiện thu hút xã hội hoá thuộc lĩnh vực y tế kêu gọi đầu tư: Hiện có 7 dự án; các phòng chuyên môn Sở Y tế đã rà soát, theo dõi trước mắt chỉ có 01 dự án khả thi (Dự án bệnh viện đa khoa tại phường 11, thành phố Vũng Tàu, quy mô 400 giường).

- Thống nhất phương thức tiếp nhận hỗ trợ đối với vốn đầu tư xây dựng Trung tâm Quân dân y huyện Côn Đảo theo Công văn số 3860/UBND-VP ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh.

- Đề xuất kinh phí thanh toán khối lượng hoàn thành cho các nhà thầu thực hiện các công trình phục vụ phòng chống Covid-19.

- Trình UBND tỉnh xin ý kiến về việc hủy hóa chất, sinh phẩm mượn của các doanh nghiệp để chống dịch Covid-19 còn tồn và hết hạn sử dụng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

B. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG THÁNG 5 NĂM 2023

1. Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Tỉnh ủy và UBND tỉnh giao.

2. Thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trong ngành Y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2023.

3. Giải quyết các khó khăn vướng mắc cho các bệnh viện và các TTYT huyện, thị xã, thành phố.

4. Tiếp tục thực hiện phương án xây dựng Trung tâm Y tế thành phố Vũng Tàu 30 GB, TTYT Tp. Bà Rịa 30 GB, thực hiện thu hút xã hội hoá thuộc lĩnh vực y tế kêu gọi đầu tư.

5. Tăng cường công tác chuyên môn trong khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh, chú trọng phòng chống dịch Covid- 19.

6. Đảm bảo cung cấp đủ thuốc, vật tư y tế trong công tác khám chữa bệnh.

7. Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định./.

(Kèm theo các phụ lục)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Y tế;
- HĐND tỉnh;
- Sở KHĐT;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Các P. Giám đốc SYT;
- Các CQĐV trực thuộc;
- Các Phòng Y tế H/TX/TP;
- Các phòng CMNV SYT;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Phạm Minh An



PHỤ LỤC I
BẢNG THEO DÕI CÁC CHỈ TIÊU

STT	Chỉ số	Kế hoạch 2023	Thực hiện 04/2023
	Chỉ tiêu đầu vào		
1.	Bác sĩ/ vạn dân (BS)	9,5	9,4
2.	Giường bệnh/ vạn dân (GB)	20,4	20,4
3.	Trạm Y tế xã, phường có bác sỹ làm việc (%)	100	100
	Chỉ tiêu về hoạt động		
4.	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ (%)	98	35,4
5.	Tỷ lệ rác thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn (%)	100	100
	Chỉ tiêu đầu ra		
6.	Tuổi thọ trung bình (tuổi)	76,7	75,6*
7.	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên (‰)	10,0	8,7*
8.	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống (‰)	< 26	26,7
9.	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (‰)	< 8	2,1
10.	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi (‰)	< 14	2,4
11.	Tỷ lệ người nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (%)	< 0,3	0,28
12.	Số người mắc ngộ độc thực phẩm trên 100.000 dân (Người)	< 7	00
13.	Tỷ lệ hài lòng bệnh nhân nội trú (%)	>80	92,2

(*) Số liệu năm 2022